

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc, Bà Lương Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 25-10-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-01-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08-02-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13-02-2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị C, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O), sinh năm 1985.

Đều trú tại: Bản NL, xã MB, huyện TC, tỉnh SL. (Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Chị Lò Thị C và anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến

nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O).

Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) có 03 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/7/2004; cháu Lò Văn B, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Lò Văn A, sinh ngày 28/12/2010. Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị C cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O): Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T (O) vẫn cố tình vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị C giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 16/01/2023: Kể từ khi vợ chồng chị C, anh T (O) sống ly thân từ năm 2018, các cháu sống cùng chị C. Chị Lò Thị C có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng các cháu.

Ý kiến của cháu Lò Văn B, sinh ngày 05/3/2006 (Biên bản ghi ý kiến ngày 27/12/2022): Cháu Lò Văn B có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị C.

Ý kiến của cháu Lò Văn A, sinh ngày 28/12/2010 (Biên bản ghi ý kiến ngày 27/12/2022): Cháu Lò Văn A có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lò Thị C ly hôn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O).

Về con chung: Cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/7/2004 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Văn B, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Lò Văn A, sinh ngày 28/12/2010 cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) có hộ khẩu thường trú tại bản NL, xã MB, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng anh T (O) và chị C phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T (O) và chị C đã sống ly thân từ năm 2018, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu ly hôn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O).

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị C vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T (O) vẫn cố tình vắng mặt.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị C và anh T (O) không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị C và anh T (O) đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị C ly hôn với anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O).

[3] Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) có 03 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/7/2004; cháu Lò Văn B, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Lò Văn A, sinh ngày 28/12/2010.

Từ khi anh T (O) và chị C sống ly thân đến nay, các cháu đều sống cùng chị C.

Xét thấy: Cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/7/2004 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ý kiến của cháu Lò Văn B và Lò Văn A đều có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị C. Chị C có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian chị C và anh T (O) sống ly thân, chị C đều đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và học hành cho các cháu. Do đó, cần giao cháu Lò Văn B và Lò Văn A cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Lò Thị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị C cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị C. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O).

2. Về con chung: Cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/7/2004 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Văn B, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Lò Văn A, sinh ngày 28/12/2010 cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị C cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị C.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị C, anh Lò Văn T (tên gọi khác: Lò Văn O) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã MB, huyện TC, tỉnh SL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa